TÒA ÁNNHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM
****

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2019/HS-ST
Ngày 15/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Linh
Các Hội thẩm nhân dân:
- Ông Nguyễn Đình Bạn
- Ông Võ Văn Sinh

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 52/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Ngọc T;** sinh ngày 20/7/1988 tại huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: thôn PL, xã ĐT, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, nghề nghiệp: thợ sơn nước; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh ; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm T (sinh năm 1964) và bà Nguyễn Thị X (SN 1966); gia đình có 02 anh em, bị cáo là đầu trong gia đình; vợ Lê Thị M (đã ly hôn), có hai con là Phạm Ngọc H (sinh năm 2008) và Phạm Ngọc T (sinh năm 2010) hiện sống với mẹ; tiền án, tiền sự: chưa. Nhân thân: ngày 30/8/2013, bị TAND quận L, TP Đà Nẵng xử phạt 15 tháng tù giam về tội "Cưỡng đoạt tài sản"; ngày 29/12/2014 bị TAND huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xử phạt 30 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản"; năm 2012, bị Công an quận N, Tp Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy"; bị bắt khẩn cấp, tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 20/6/2019; hiện đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an huyện Đ, *có mặt tại phiên tòa.*

2. Họ và tên: **Phan Thị D**; sinh ngày 10/01/1990 tại huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: thôn PB, xã ĐT, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh ; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan X1 (chết) và bà Đặng Thị H1 (SN 1962); gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai; chồng Đinh Công N (đã ly hôn, hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại tạm giam An Điềm thuộc Bộ Công an), có một con là Đinh Công T1 (sinh năm 2011) hiện đang sống với bà ngoại Đặng Thị H1; tiền án, tiền sự: chưa; bị bắt quả tang, tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 20/6/2019; hiện đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an huyện Đ, *có mặt tại phiên tòa.*

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Dương Văn C, sinh năm 1987, *vắng mặt*
   Trú tại: thôn Mỹ Tân, xã Đại Phong, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam
2. Anh Trương Văn T1 (DR), sinh năm 1988, *vắng mặt*
   Trú tại: thôn Ô Gia, xã Đại Cường, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam
3. Anh Bùi Thanh M, sinh năm 1976, *vắng mặt*
   Trú tại: thôn Gia Huệ, xã Đại Minh, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam
4. Anh Phan L, sinh năm 1985, *có mặt*
   Trú tại: thôn PB, xã ĐT, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam

1. **Người làm chứng:** Anh Phan Viết T, sinh năm 1992, *vắng mặt*

Trú tại: thôn PL, xã ĐT, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 20/6/2019, Phan Thị D đang bán 01 (*Một*) gói ma túy với số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) cho Dương Văn C thì bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ bắt quả tang, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ trong túi quần sau của Phan Thị D 01 gói giấy bên trong có chứa chất bột màu trắng nghi là ma túy, kích thước 0,1cm x 1,5cm; thu giữ trên tay của Dương Văn C 01(một) gói giấy bên trong có chứa chất bột màu trắng nghi là ma túy, kích thước 0,1cm x 1,8cm; 01 điện thoại di động Philips màu đỏ bên trong có sim 0932516187 của Phan Thị D; 01 điện thoại di động Itel màu đen bên trong có sim 0919493542 của Dương Văn C (đã được Cơ quan điều tra kiểm tra lịch sử cuộc gọi) và 200.000 đồng tiền Ngân hàng Việt Nam (đã được nộp vào tài khoản tạm gửi số 3949.0.1053629 của Công an huyện Đ, gửi tại Kho bạc Nhà nước Đại Lộc ngày 02/7/2019).

Qua điều tra xác định Phan Thị D và Phạm Ngọc T có quan hệ yêu đương, để có tiền tiêu xài cá nhân và để có ma túy cho Phạm Ngọc T sử dụng nuôi cơn nghiện, Phan Thị D và Phạm Ngọc T đã nhiều lần thống nhất cùng nhau ra TP Đà Nẵng mua ma túy về bán kiếm lời và sử dụng, cụ thể:

Vào khoảng 08 giờ ngày 13/6/2019, Phạm Ngọc T điều khiển xe mô tô BKS 92E1-19268*; (nhãn hiệu Yamaha; loại Sirius: số máy 5C6H026441; số khung C6H0DY026487, do Phan L là anh ruột của Phan Thị D làm chủ sở hữu)* chở Phan Thị D đi từ huyện Đ, tỉnh Quảng Nam ra khu vực đường T, thành phố Đà Nẵng để mua ma túy về sử dụng và bán kiếm lời. Tại đây, T lấy điện thoại của D (số thuê bao 0932516187) gọi điện cho người đàn ông tên Ty (không rõ nhân thân lai lịch) mua 01 (*Một*) gói ma túy với số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Sau đó, T chở D về khu vực nghĩa trang xã Hòa Khương, huyện H, TP Đà Nẵng rồi lấy ma túy ra sử dụng một ít còn lại mang về nhà T phân thành 02 (*Hai*) gói nhỏ bỏ vào gói thuốc và cất trong người. Sau đó, T chở D về xã ĐT, huyện Đ thì có Bùi Thanh M điện thoại cho T để mua 100.000đ (*Một trăm nghìn đồng*) ma túy. T chở D đi đến đường bê tông thôn PB, xã ĐT, huyện Đ bán ma túy cho M. Bán xong, T chở D về nhà T. Lúc này, Trương Văn T1 điện thoại cho T để hỏi mua 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) ma túy. T chở D đi đến trước nhà T1, T đi vào nhà, còn D đứng đợi bên ngoài, T1 không có tiền nên đưa chiếc điện thoại Mobi Star, loại cảm ứng, màu trắng của T1 cho T để đổi gói ma túy (khi nào có tiền thì T1 sẽ lấy lại điện thoại). T đồng ý bán 01 gói ma túy cho T1 rồi đem chiếc điện thoại đưa D cất và chở D đi về nhà.

Ngày 16/6/2019, T điện thoại rủ D ra thành phố Đà Nẵng mua ma túy về bán và để T sử dụng thì D đồng ý. D điều khiển xe mô tô 92E1 192.68 đến nhà T, T chở D ra khu vực TL, TP Đà Nẵng rồi lấy điện thoại của D gọi điện cho người thanh niên tên Tiến (*không rõ nhân thân lai lịch*) mua 01 (Một) gói ma túy với số tiền 900.000 đồng (*Chín trăm nghìn đồng*). Số tiền mua ma túy là tiền của T đi lao động mà có. Mua ma túy xong, T chở D đến khu nghĩa trang xã Hòa Khương, huyện H, TP Đà Nẵng rồi lấy gói ma túy ra sử dụng một ít, còn lại T phân thành 07 gói nhỏ và đưa cho Phan Thị D cất để bán. Sau đó, T chở D về xã ĐT, huyện Đ để uống cà phê. Lúc này, Bùi Thanh M gọi điện cho T để hỏi mua 100.000đồng (*Một trăm nghìn đồng*) ma túy thì T đồng ý. T lấy từ D một gói ma túy và tự mang đi bán cho M tại đường bê tông thôn PB, xã ĐT, huyện Đ. Bán xong, T quay lại quán cà phê chở D về nhà. Đến trưa cùng ngày, Dương Văn C điện thoại cho T hỏi mua 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng)* ma túy thì T cho C số điện thoại của D để C liên hệ với D để mua. C gọi điện cho D mua ma túy, hai bên thống nhất gặp giao tiền và ma túy cho nhau tại nhà văn hóa thôn Quảng Huệ, xã Đại Minh, huyện Đ. Khoảng một giờ sau, Bùi Thanh M gọi điện cho Phan Thị D đem đến nhà thờ tộc Hồ (thôn Gia Huệ, xã Đại Minh) bán 01 gói ma túy, D mang ma túy đến nhưng M không đủ tiền nên M đưa cho D 50.000đ (*Năm mươi nghìn đồng*) và một chiếc điện thoại loại bàn phím của Trung Quốc. Số ma túy còn lại đến chiều cùng ngày, T điện thoại yêu cầu D đem xuống cho T sử dụng.

Ngày 17/6/2019, Phạm Ngọc T bảo Phan Thị D đưa cho T 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) và một chiếc điện thoại Mobi Star loại cảm ứng, màu trắng của Trương Văn T1 rồi điều khiển xe mô tô 92E1 192.68 chở D đi từ huyện Đ ra khu vực TL, TP Đà Nẵng để mua ma túy. Tại đây, T dùng điện thoại của D gọi điện cho thanh niên tên Tiến (không rõ nhân thân lai lịch) mua 01 (Một) gói ma túy với số tiền 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), trong đó tiền mặt 300.000 đồng và chiếc điện thoại Mobi Star loại cảm ứng trị giá 300.000 đồng. Mua xong, T chở D đi đến khu nghĩa trang Hòa Cầm, TP Đà Nẵng rồi lấy gói ma túy ra sử dụng một ít còn lại phân thành nhiều gói nhỏ và đưa cho D cất. Sau đó, D về bán cho Bùi Thanh M 01 gói với số tiền 100.000 đồng, trả nợ 50.000 đồng mua ma túy ngày 16/6/2019 để lấy lại điện thoại đã cầm. Bán cho Dương Văn C 01 gói với số tiền 200.000 đồng còn lại đưa cho T sử dụng.

Ngày 19/6/2019, T điện thoại cho D ra TP Đà Nẵng để chở T về nhà. D điều khiển xe mô tô (có đặc điểm nêu trên) ra khu vực xã Hòa Liên, huyện H, TP Đà Nẵng, tại đây, D gặp và đưa cho T 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) để mua ma túy. Sau đó, T điều khiển xe mô tô chở D đến khu vực đường T, TP Đà Nẵng để mua 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ma túy của một người đàn ông tên Ty. Mua xong, T mang ra sử dụng một ít còn lại phân thành 04 (Bốn) gói nhỏ và đưa cho D cất rồi cả hai cùng đi về nhà.

Khoảng 08 giờ sáng ngày 20/6/2019, D bán cho Trương Văn T1 01 (Một) gói ma túy với số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tại thôn Gia Huệ, xã Đại Minh. Đến 10 giờ cùng ngày, D chạy xe xuống nhà T để chở T đi chơi, lúc này, T lấy từ D một gói ma túy để sử dụng. Sau đó, cả hai người về nhà ông Nguyễn T3 (là ông ngoại ruột của Phạm Ngọc T, tại thôn PL, xã ĐT). Đến khoảng 11 giờ 30 cùng ngày, Dương Văn C gọi điện cho D mua 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) ma túy. Sau đó, D điều khiển xe mô tô (có đặc điểm nêu trên) đến Cầu KG, thôn PL, xã ĐT đứng đợi. Khoảng 15 phút sau thì C đến, tại đây, C đưa cho D 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), D bán cho C 01 (Một) gói ma túy thì bị Công an huyện Đ bắt quả tang. Đồng thời, Công an huyện Đ ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Phạm Ngọc T.

Theo Kết luận giám định số 649/C09C (Đ4) ngày 26/6/2018 của Phân viện KHHS tại TP. Đà Nẵng kết luận về đối tượng giám định:

- Chất rắn màu trắng (Dạng cục, bột) đựng trong gói giấy được niêm phong trong phong bì. Tại mép dáng mặt sau của phong bì có 03 (ba) dấu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, tỉnh Quảng Nam và các chữ ký có ghi tên : Phan Thị D, Phan Viết T, Nguyễn Văn Dũng gửi giám định là ma túy, có khối lượng mẫu 0,019 gam; loại Heroine.

- Chất rắn màu trắng (Dạng cục, bột) đựng trong gói giấy được niêm phong trong phong bì. Tại mép dáng mặt sau của phong bì có 03 (ba) dấu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, tỉnh Quảng Nam và các chữ ký có ghi tên : Dương Văn C, Phan Viết T, Nguyễn Văn Dũng gửi giám định là ma túy, có khối lượng mẫu 0,032 gam; loại Heroine.

Số ma túy sau khi giám định được niêm phong trong 01 phong bì số 649/C09C(Đ4) bên ngoài có đóng dấu đỏ của Phân viện KHHS tại TP. Đà Nẵng.

Ngoài ra, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra còn thu giữ của Phạm Ngọc T:

01- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar, màu đen viền đỏ của Phạm Ngọc T sử dụng để liên lạc bán ma túy cho các con nghiện;

02- 01 (Một) bơm kim tiêm có dung tích 3ml/cc Phạm Ngọc T (đã sử dụng);

(*Vật chứng được niêm phong, do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ quản lý).*

Đối với chiếc xe mô tô BKS 92E1-19268; nhãn hiệu Yamaha; loại Sirius: số máy 5C6H026441; số khung C6H0DY026487 do Phan L, sinh năm: 1985, HKTT: thôn PB, xã ĐT, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam là chủ sở hữu, trong quá trình điều tra, Phan L không biết Phan Thị D sử dụng xe mô tô trên để mua bán trái phép chất ma túy cùng Phạm Ngọc T nên Cơ quan CSĐT đã trả chiếc xe mô tô trên cho chủ sở hữu để quản lý, sử dụng theo đúng quy định pháp luật.

Quá trình điều tra, các bị cáo Phạm Ngọc T và Phan Thị D đã tỏ ra ăn năn hối cải, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố nêu trên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Các bị cáo khai trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo không bị dùng nhục hình, ép cung, mớm cung và không có khiếu nại gì về các hành vi, quyết định tố tụng.

Tại cáo trạng số 49/CT-VKS ngày 29/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố các bị cáo Phạm Ngọc T và Phan Thị D về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm a, b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quan điểm truy tố đồng thời đề nghị áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 251, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T từ 07 (*bảy*) năm đến 08 (*tám*) năm tù. Đối với bị cáo Phan Thị D đề nghị áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 251, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt từ 04 (*Bốn*) đến 05 (*Năm*) năm tù.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Dương Văn C, Bùi Thanh M, Trương Văn T1 khai đã có các lần mua ma túy phù hợp với lời khai các bị cáo. Người làm chứng Phan Viết T khai đã chứng kiến việc Cơ quan Điều tra bắt quả tang bị cáo D đang bán ma túy cho Dương Văn C vào ngày 20/6/2019, phù hợp với nội dung truy tố của cáo trạng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng*:

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo không bị dùng nhục hình, ép cung, mớm cung mà đã được Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phổ biến về quyền, nghĩa vụ của mình trong từng giai đoạn tố tụng và tự khai báo về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên; Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1]. *Về tội danh và khung hình phạt*: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Phạm Ngọc T và Phan Thị D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản phạm tội quả tang, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có cơ sở xác định được: Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân và có ma túy để nuôi cơn nghiện, Phạm Ngọc T rủ Phạm Thị D mua ma túy về bán lại để kiếm lời và được D đồng ý. Từ ngày 13/6/2019 đến ngày 20/6/2019, T và D 04 lần cùng nhau ra thành phố Đà Nẵng mua ma túy của hai người thanh niên tên Ty và Tiến (không rõ lai lịch cụ thể) với tổng số tiền 2.100.000 đồng (*Hai triệu một trăm ngàn đồng*) về chia ra bán cho Dương Văn C, Trương Văn T1 và Bùi Thanh M tổng cộng 09 lần với tổng số tiền 1.400.000 đồng (*Một triệu bốn trăm ngàn đồng*), số ma túy còn lại bị tích thu khi bị bắt quả tang và T sử dụng. Trong đó Phạm Ngọc T trực tiếp bán cho M 02 lần với số tiền 200.000 đồng, T chở D mang ma túy trực tiếp bán cho T1 01 lần số tiền 200.000 đồng, Phan Thị D trực tiếp bán cho C 03 lần với số tiền 600.000 đồng, bán cho M 02 lần với số tiền 200.000 đồng, bán cho T1 01 lần với số tiền 200.000 đồng. Vào khoảng 12 giờ 00 phút ngày 20/6/2019, khi D bán ma túy cho C tại khu vực cầu KG, thôn PL, xã ĐT thì bị Công an huyện Đ bắt quả tang.

Quá trình điều tra và tại phiên Tòa, Phan Thị D và Phạm Ngọc T khai nhận các bị cáo có sự bàn bạc, lập kế hoạch, cấu kết chặt chẽ với nhau, phân công nhiệm vụ, cùng nhau thực hiện hành vi mua bán trái phép ma túy cho các con nghiện và cho T sử dụng. Trong đó, T với vai trò là người chủ mưu và là người thực hành, D tham gia với vai trò là người thực hành thuộc trường hợp phạm tội "có tổ chức". Các bị cáo thừa nhận từ ngày 13/6/2019 đến ngày 20/6/2019, các bị cáo thực hiện 9 lần bán ma túy cho Dương Văn C, Trương Văn T1 và Bùi Thanh M nên thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên và mua bán với 02 người trở lên.

Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Ngọc T và Phan Thị D phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo điểm a, b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự 2015 như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] *Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo thì thấy*: Các bị cáo T và D đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, hiểu biết pháp luật, biết rõ tác hại của chất ma tuý, biết rõ Nhà nước nghiêm cấm mọi hành vi mua bán trái phép chất ma tuý, nếu vi phạm sẽ bị pháp luật trừng trị nghiêm khắc nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu xài và có ma túy để T sử dụng mà đã các bị cáo bất chấp

sự lên án của xã hội, sự nghiêm trị của pháp luật, đã có hành vi cùng nhau nhiều lần mua bán trái phép chất ma tuý cho nhiều người. Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý ma túy của Nhà nước, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây nên sự bất ổn trong cộng đồng dân cư, gây ra sự hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó cần phải xử phạt các bị cáo một cách nghiêm khắc bằng cách áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[2.3] Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Trong đồng phạm, bị cáo T giữ vai trò là người chủ mưu và là người thực hành. Bản thân bị nghiện ma túy, bị cáo nhận thức rõ nhất tác hại của ma túy đối với người sử dụng đồng thời hiểu rõ mức độ nghiêm trọng, hậu quả của hành vi mua bán ma túy trái phép, nhưng bị cáo lại khởi xướng, rủ rê bị cáo D cùng phạm tội. Bị cáo là người nắm giữ cách liên lạc với người bán ma túy (Tý, Tiến) và kể cả những con nghiện có nhu cầu mua ma túy, phân công cho bị cáo D cất giữ ma túy, cung cấp phương thức liên lạc qua lại và chỉ đạo cho bị cáo D bán ma túy khi M, C điện thoại hỏi mua. Bị cáo T cũng là người tích cực thực hành tội phạm, trực tiếp chở bị cáo D đi mua ma túy về rồi cùng nhau phân chia thành gói nhỏ nhằm mục đích bán kiếm lời và có 02 lần bán ma túy cho M, 01 lần bán ma túy cho T1. Bị cáo T là người có nhân thân xấu, ngày 30/8/2013, TAND quận L, TP Đà Nẵng xử phạt 15 tháng tù giam về tội "Cưỡng đoạt tài sản"; ngày 29/12/2014 TAND huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xử phạt 30 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản"; năm 2012, bị Công an quận N, Tp Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy", lẽ ra bị cáo phải ăn năn hối cải, tu tâm dưỡng tính, cai nghiện để làm ăn lương T1 nhưng bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với mức độ ngày càng nghiêm trọng hơn.

Bị cáo D tham gia với vai trò là người tích cực thực hành tội phạm. Nghe T rủ rê, D đồng ý việc mua ma túy về chia nhỏ bán cho các con nghiện kiếm lời và để có ma túy cho T nuôi cơn nghiện. D đem xe máy của anh trai là Phan L giao cho T điều khiển chở D cùng đi mua ma túy, cùng phân chia ma túy và cùng nhau tiêu thụ dưới sự chỉ đạo của T, trong đó D có 01 lần cùng với T bán ma túy cho T1 và 06 lần trực tiếp bán ma túy cho C, M, T1.

Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với vai trò, tính chất, mức độ hành vi và hậu quả do các bị cáo gây ra.

[2.3] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo*:

- *Về tính tiết tăng nặng*: không có.

- *Về tình tiết giảm nhẹ*: Xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo nhận tội, tỏ ra biết ăn năn hối cải, sau khi bị bắt quả tang vào ngày 20/6/2019 các bị cáo đã tự thú khai nhận các hành vi phạm tội của mình trước đó nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Các bị cáo đã nộp lại số tiền 1.400.000 đồng sử dụng để mua bán ma túy, đối với bị cáo D đã ly hôn và là lao động chính đang trực tiếp nuôi hai con nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn, được chính quyền địa phương xác nhận nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo là phù hợp.

- Xét bị cáo D giữ vai trò thứ yếu so với đồng phạm trong vụ án, có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng quy

định tại Điều 52 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy nên áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự là phù hợp.

[2.4] *Về xử lý vật chứng:* Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- *Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước*

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Philips, màu đỏ đen của Phan Thị D;

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Mobistar, màu đen viền đỏ của Phạm Ngọc T.

+ 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Intel, màu đen của Dương Văn C.

+ Số tiền bán ma túy 200.000đ *(Hai trăm ngàn đồng)* được nộp vào số tài khoản tạm gửi 3949.0.1053629 của Công an huyện Đ, gửi tại Kho bạc Nhà nước Đại Lộc ngày 02/7/2019.

- *Tuyên tịch thu tiêu hủy:*

+ Sim điện thoại số 0932516187 được gắn bên trong điện thoại di động Philips, màu đỏ - đen của Phan Thị D; sim điện thoại số 0919493542 được gắn bên trong điện thoại Intel, màu đen của Dương Văn C.

+01 (Một) bơm kim tiêm có dung tích 3ml/cc Phạm Ngọc T (đã sử dụng)

+01 phong bì số 649/C09C(Đ4), bên ngoài có đóng dấu đỏ của Phân viện KHHS tại TP. Đà Nẵng, bên trong chứa số ma túy sau khi giám định.

Đối với chiếc xe máy 92E1 192.68 thuộc sở hữu của anh Phan L, nhưng anh L không biết việc các bị cáo sử dụng chiếc xe mày làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan Điều tra trả lại xe cho anh Lanh là phù hợp.

[2.5] *Về các vấn đề khác*:

Đối với số tiền 1.200.000 đồng (*một triệu hai trăm nghìn đồng*) mà Phạm Ngọc T và Phan Thị D bán ma túy cho C, M và T1 mà có (đã trừ số tiền 200.000 đồng bán ma túy cho C vào ngày 20/6/2019 bị tạm giữ khi bắt quả tang), Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo T và D đã tự giác nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ tổng số tiền 1.400.000 đồng (mỗi bị cáo nộp 700.000 đồng) theo biên lai thu tiền số 003867 và 003868 ngày 01/11/2019, tại phiên tòa các bị cáo không yêu cầu trả lại số tiền nộp thừa là 200.000 đồng nên Hội đồng xét xử tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.400.000 đồng trên là phù hợp.

Trong vụ án này Phạm Ngọc T, Dương Văn C, Bùi Thanh M và Trương Văn T1 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với những đối tượng trên là phù hợp.

Đối với người đàn ông tên Ty và tên Tiến đã 04 (bốn) lần bán ma túy cho Phạm Ngọc T, Phan Thị D ở khu vực TL, huyện H và đường T, TP Đà Nẵng, Cơ quan điều tra chưa thể xác định được nhân thân, lai lịch nên tiếp tục điều tra, xác minh để làm rõ hành vi và xử lý sau là phù hợp nên không đề cập.

[3] *Về án phí:* Các bị cáo T và D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 01 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- ***Tuyên bố:*** Bị cáo Phạm Ngọc T và Phan Thị D phạm tội **"Mua bán trái phép chất ma túy"**

- Áp dụng: Điểm a, b, c khoản 2 Điều 251, điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Ngọc T 07 (*Bảy*) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt khẩn cấp 20/6/2019.

- Áp dụng: Điểm a, b, c khoản 2 Điều 251, điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Phan Thị D 05 (*năm*) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam 20/6/2019.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự:

- *Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước:*

+ 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Philips, màu đỏ đen của Phan Thị D;

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Mobistar, màu đen viền đỏ của Phạm Ngọc T.

+ 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Intel, màu đen của Dương Văn C.

(Vật chứng được niêm phong, do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ quản lý).

+ Số tiền bán ma túy 200.000đ *(Hai trăm ngàn đồng)* được nộp vào số tài khoản tạm gửi 3949.0.1053629 của Công an huyện Đ, gửi tại Kho bạc Nhà nước Đại Lộc ngày 02/7/2019.

+ Số tiền 1.400.000 đồng (*Một triệu bốn trăm ngàn đồng*) Phạm Ngọc T và Phan Thị D đã nộp theo biên lai thu tiền số 003867 và 003868 ngày 01/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

- *Tuyên tịch thu tiêu hủy*

+ Sim điện thoại số 0932516187 được gắn bên trong điện thoại di động Philips, màu đỏ - đen của Phan Thị D; sim điện thoại số 0919493542 được gắn bên trong điện thoại Intel, màu đen của Dương Văn C.

+01 (Một) bơm kim tiêm có dung tích 3ml/cc Phạm Ngọc T (đã sử dụng).

+01 phong bì số 649/C09C(Đ4), bên ngoài có đóng dấu đỏ của Phân viện KHHS tại TP. Đà Nẵng, bên trong chứa số ma túy sau khi giám định.

(Vật chứng được niêm phong, do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ quản lý).

- Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Ngọc T và Phan Thị D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm ngàn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện Đ;*
- *Chi cục THADS huyện Đ;*
- *Bị cáo;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ái Linh